

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ BẮC NINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC NINH URBAN ENVIROMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2301165545

3. Ngày thành lập: 25/01/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Ngọc Cục, Xã Tân Lãng, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0399964970

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Không hoạt động tại trụ sở)	0118
2.	Trồng cây điều (Không hoạt động tại trụ sở)	0123
3.	Trồng cây hồ tiêu (Không hoạt động tại trụ sở)	0124
4.	Trồng cây cao su (Không hoạt động tại trụ sở)	0125
5.	Trồng cây cà phê (Không hoạt động tại trụ sở)	0126
6.	Trồng cây chè (Không hoạt động tại trụ sở)	0127
7.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129
8.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0131
9.	Chăn nuôi gia cầm	0146
10.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	0210
11.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Không hoạt động tại trụ sở)	0810
12.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
13.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh (Công ty chỉ được sản xuất kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định của pháp luật)	2013

14.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
15.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
16.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
17.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
18.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
19.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
22.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
23.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
24.	Sản xuất điện	3511
25.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
26.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
27.	Thu gom rác thải độc hại	3812
28.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
29.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
30.	Tái chế phế liệu	3830
31.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
37.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
38.	Xây dựng công trình thủy	4291
39.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
40.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
41.	Phá dỡ	4311
42.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
43.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
44.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
45.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
46.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
47.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
48.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
49.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
50.	Bán buôn thực phẩm	4632

51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
52.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
55.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
56.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
57.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
62.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm (Điều 86 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010)	6622
63.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
64.	Quảng cáo	7310
65.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
68.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Điều 6 Nghị định 52/2014/NĐ-CP)	7820
69.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Hoạt động cho thuê lại lao động (Điều 5 nghị định 55/2013/NĐ-CP)	7830
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế (Điều 31 Luật Du lịch năm 2017)	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990

73.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130(Chính)
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
76.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
77.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Tư vấn kỹ thuật có liên quan - Tư vấn lập dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình - Khảo sát xây dựng - Giám sát thi công xây dựng công trình (Điều 1 Nghị định 100/2018/NĐ-CP)	7710
78.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014); Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014);	6820
79.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
80.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
81.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
82.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
83.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
84.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
85.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
86.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
87.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
88.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
89.	Chăn nuôi khác	0149

6. Vốn điều lệ: 2.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

Thời gian đăng từ ngày 25/01/2021 đến ngày 24/02/2021

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI THỊ THANH CÚC	Số 02 Nguyễn Trường Tộ, Phường Nghĩa Đức, Thành phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam	2.610.000.000	90,000	245461022	
2	LÊ THẾ CẢNH	Thôn Bình Sơn, Xã Gia Hanh, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	290.000.000	10,000	183903620	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THẾ CẢNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 183903620

Ngày cấp: 02/05/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bình Sơn, Xã Gia Hanh, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Bình Sơn, Xã Gia Hanh, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh